

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 507/2024/DS-PT
Ngày: 30-10-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

- Ông Hà Chí Quốc;
- Bà Phạm Thị Thanh Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 470/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Kim C, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ A, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Đồng bị đơn:**

2.1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1966;

2.2. Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1989;

2.3. Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Tổ A, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bà N, anh B, chị T: Chị Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1988; cư trú tại: Số A, Khu phố E, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 21-10-2024); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị N, chị Phan Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim C trình bày: Do là hàng xóm quen biết nhau, nên bà có cho bà Huỳnh Thị N, chị Phan Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn B vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 01-10-2018 âm lịch, bà N, chị T, anh B ký giấy vay của bà số tiền 75.000.000 đồng, có thoả thuận miệng tiền lãi nhưng không nhớ mức lãi suất bao nhiêu; bà N có đóng tiền lãi được 01 đến 02 lần, số tiền khoảng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Ngày 25-10-2018 âm lịch, bà N, chị T ký giấy vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, có thoả thuận miệng tiền lãi nhưng không nhớ mức lãi suất bao nhiêu.

- Ngày 28-10-2018 âm lịch, bà N, chị T ký giấy vay của bà số tiền 90.000.000 đồng, có thoả thuận miệng tiền lãi nhưng không nhớ mức lãi suất bao nhiêu.

- Ngày 22-01-2019 âm lịch, bà N và anh Huỳnh Văn B ký giấy vay của số tiền 90.000.000 đồng, có thoả thuận miệng tiền lãi nhưng không nhớ mức lãi suất bao nhiêu.

Ngoài ra, ngày 28-10-2018 âm lịch, chị T có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, hẹn 06 tháng trả lại; ngày 28-10-2018 âm lịch, bà N có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng ghi hẹn 10 ngày trả lại. Nội dung của hai giấy vay tiền này do bà N, chị T viết. Tổng cộng số tiền vay là 335.000.000 đồng.

Khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022, ông Huỳnh Văn B1, chồng của bà N có gọi điện nói chuyện với ông Nguyễn Văn C1 chồng của bà để thương lượng trả nợ, cụ thể như sau: bà Bà N1 nợ số tiền 140.000.000 đồng; chị T, anh B nợ số tiền 195.000.000 đồng. Phần nợ của bà N1, ông B1 đứng ra bảo lãnh trả; phần nợ của anh B, chị T thì trả góp cho bà 5.000.000 đồng/tháng.

Ông B1 đã trả cho ông C1, chồng bà số tiền 20.000.000 đồng, nên bà ghi lại giấy nợ ngày 28-01-2022, bà N1 còn nợ 120.000.000 đồng; phần của anh B, chị T không ghi trong giấy nợ này. Số tiền nợ của chị T, anh B trả góp cho bà 2.000.000 đồng/tháng, được 27 lần, tổng cộng là 54.000.000 đồng, do chị T trực tiếp góp cho bà, hai bên có ghi sổ theo dõi, do chị T giữ.

Bà khởi kiện yêu cầu bà N1, chị T, anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền nợ gốc là 261.000.000 đồng. Bà yêu cầu tính tiền lãi từ ngày hết hạn 03 tháng trả nợ theo giấy mượn nợ lần cuối ngày 22-01-2019 là ngày 23-4-2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà và anh Huỳnh Văn B, chị Phan Thị Thanh T là vợ anh B, có vay tiền của bà C như sau:

- Ngày 01-10-2018 âm lịch, bà và chị T, anh B ký giấy vay của bà C số tiền 75.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 05%/tháng (1.000.000 đồng thì tiền lãi 50.000 đồng), nhưng không ghi trong giấy mượn tiền mà chỉ thoả thuận miệng.

- Ngày 25-10-2018 âm lịch, bà và chị T ký giấy vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 5%/tháng (1.000.000 đồng thì tiền lãi 50.000 đồng), nhưng không ghi trong giấy mượn tiền mà chỉ thoả thuận miệng.

- Ngày 28-10-2018 âm lịch, bà và chị T ký giấy vay của bà C số tiền 90.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 5%/tháng (1.000.000 đồng thì tiền lãi 50.000 đồng), nhưng không ghi trong giấy mượn tiền mà chỉ thoả thuận miệng.

- Ngày 22-01-2019 âm lịch, bà và anh Huỳnh Văn B ký giấy vay của bà C số tiền 90.000.000 đồng, có thoả thuận lãi suất là 5%/tháng (1.000.000 đồng thì tiền lãi 50.000 đồng) nhưng không ghi trong giấy mượn tiền mà chỉ thoả thuận miệng.

Ngoài ra, ngày 28-9-2018 âm lịch, chị T có vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng, hạn 04 tháng trả, nhưng bà C chỉnh sửa thành ngày 28-10-2018 âm lịch; ngày 20-9-2018 âm lịch bà có vay của bà C 20.000.000 đồng, nhưng bà C chỉnh sửa thành ngày 28-10-2018 âm lịch. Số tiền 20.000.000 đồng này bà đã trả cho bà C xong. Tổng cộng bà và anh B, chị T vay của bà C số tiền 335.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, bà và chị T nhiều lần trả góp cho bà C, nhưng không ghi giấy tờ, chỉ thể hiện trả được 27 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng bà C có ký tên. Khi bà, chị T và anh B vay tiền, chồng bà ông Huỳnh Văn B1 không biết, khoảng đầu năm 2022 ông B1 biết, nên có mời vợ chồng bà C, ông C1 đến để chốt nợ. Ngày 28-01-2022, chỉ ông C1 đến nhà bà, hai bên thống nhất số tiền nợ còn thiếu 140.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã trả cho ông Nguyễn Văn C1 được 20.000.000 đồng; còn nợ 120.000.000 đồng.

Bà xác định số tiền nợ trên, bà và chị T, anh B cùng vay của bà C để làm vốn kinh doanh lò bánh mì.

Bà đồng ý cùng chị T và anh B liên đới trả cho bà C số tiền nợ còn 120.000.000 đồng, tiền lãi chỉ tính từ ngày chốt nợ 28-01-2022.

Bị đơn, chị Phan Thị Thanh T trình bày: Chị thống nhất với lời khai của bà N. Chị đồng ý cùng bà N, anh B trả cho bà C số tiền còn nợ 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28-01-2022.

Bị đơn, anh Huỳnh Văn B trình bày: Anh là con trai của bà N, là chồng của chị T. Anh thừa nhận có cùng chị T, bà N vay tiền của bà C nhiều lần như chị T, bà N trình bày tại Toà án. Anh thống nhất với ý kiến trình bày của bà N, chị T và đồng ý cùng bà N, chị T trả cho bà C số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28-01-2022.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 464, 466, 467, khoản 2 Điều 468, 469, 579 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim C về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T.

Buộc bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B, chị Phan Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Kim C số tiền nợ gốc 261.000.000 đồng (hai trăm sáu

mười một triệu đồng) và tiền nợ lãi từ ngày 23-4-2019 là 136.517.000 đồng, tổng cộng là 397.517.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31-7-2024, bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T kháng cáo cho rằng, ngày 28-01-2022 ông Nguyễn Văn C1 chồng bà C và ông Huỳnh Văn B1 chồng bà N đứng ra chốt nợ, thì bà N, anh B, chị T còn nợ bà C số tiền 140.000.000 đồng và ông B1 có đứng ra trả cho bà C 20.000.000 đồng, nên còn nợ 120.000.000 đồng. Sau đó chị T trả góp cho bà C từ ngày 30-9-2022 đến ngày 20-11-2023 được số tiền 54.000.000 đồng, còn nợ 66.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc trả nợ gốc 261.000.000 đồng. Về tiền lãi, hai bên đã chốt nợ từ năm 2022 và sau đó góp trả cho bà C đến ngày 20-11-2023 được 54.000.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm buộc trả tiền lãi cho bà C tính từ ngày 23-4-2019. Bà N, anh B, chị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền còn nợ 66.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà N, anh B, chị T cho rằng, ngày 28-01-2022 ông Huỳnh Văn B1 chồng của bà N và ông Nguyễn Văn C1 chồng của bà C có làm giấy chốt nợ, thể hiện bà N, anh B, chị T còn nợ bà C số tiền 140.000.000 đồng, cùng ngày ông B1 có trả được 20.000.000 đồng và sau đó chị T có góp trả cho bà C được 27 lần, với số tiền 54.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 30-11-2023 bà N, anh B, chị T còn nợ bà C 66.000.000 đồng và đồng ý trả; bị đơn đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày 30-11-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bà C đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên; không đồng ý với tranh luận của người đại diện bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Bà N, anh B, chị T kháng cáo đồng ý trả số tiền vay còn nợ bà C 66.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T kháng cáo đảm bảo về thủ tục và trong thời hạn quy định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền Vay: Năm 2018, 2019 âm lịch, bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T là mẹ con có ký giấy vay tiền của bà Đinh Thị Kim C nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 01-10-2018 âm lịch, bà N, anh B, chị T ký tên vào “Giấy mượn tiền” vay của bà C 75.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và cũng không hẹn thời gian trả nợ.

- Ngày 25-10-2018 âm lịch, bà N, anh B, chị T ký tên vào “Giấy mượn tiền” vay của bà C 100.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và cũng không hẹn thời gian trả nợ.

- Ngày 28-10-2018 âm lịch, bà N và chị T ký tên vào “Giấy mượn tiền” vay của bà C 90.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và hẹn thời gian 06 tháng trả nợ.

- Trên cùng một giấy nợ, ngày 20-9-2018 âm lịch bà N ký vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và cũng không hẹn thời gian trả nợ; ngày vay tiền bị chỉnh sửa lại thành ngày 28-10-20218 âm lịch. Ngày 28-9-2018 âm lịch, chị T ký vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và hẹn thời gian 06 tháng trả nợ; ngày vay tiền bị chỉnh sửa lại thành ngày 28-10-20218 âm lịch.

- Ngày 22-01-2019 âm lịch, bà N và anh B ký tên vào “Giấy mượn tiền” vay của bà C 30.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất và hẹn thời gian 03 tháng trả nợ.

Tổng cộng số tiền vay theo “Giấy mượn tiền” bà Cúc cung C2 là 335.000.000 đồng, được bà N, anh B và chị T thừa nhận.

[2.2] Về trả nợ vay: Ngày 28-01-2022, ông Huỳnh Văn B1 viết “Giấy nợ” ghi tên Huỳnh Thị N... “có vay của bà Đinh Thị Kim C số tiền 140.000.000 đồng. Nay anh Huỳnh Văn B1 lãnh trả là phần của chị N số tiền nói trên”. Cùng ngày 28-01-2022, ông B1 trả cho ông Nguyễn Văn C1 là chồng của bà C số tiền 20.000.000 đồng, bà C thừa nhận ông B1 có trả thay bà N số tiền này và từ ngày 30-9-2021, đến 30-11-2023 bà N, anh B, chị T có trả góp cho bà C được 27 lần, mỗi lần trả 2.000.000 đồng, được số tiền 54.000.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà N, anh B, chị T cung cấp cho Tòa án Biên nhận trả nợ, cụ thể: Ngày 06-3-2020, ông Huỳnh Văn B1 (đã chết) là chồng bà N (cha anh B, chị T) trực tiếp trả cho bà C số tiền 17.000.000 đồng; ngày 14-7-2020, ông B1 tiếp tục trả cho bà C 8.000.000 đồng. Tổng cộng bà N, anh B, chị T

trả được số tiền gốc 99.000.000 đồng, còn nợ 236.000.000 đồng. Do đó, bà N, anh B, chị T khai còn nợ bà C số tiền 66.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ, nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về trả tiền lãi:

[2.3.1] Khi cho vay, bà C xác định có thỏa thuận trả lãi nhưng không ghi vào giấy nợ, không nhớ mức lãi suất bao nhiêu % và bà N cùng các con của bà N có đóng tiền lãi được 01, 02 tháng cho bà C khoảng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng của số tiền vay, là phù hợp với lời khai của bà N, anh B, chị T khi vay tiền có thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, nhưng không ghi vào giấy mượn tiền và trả tiền lãi đầy đủ đến ngày 28-01-2022, là ngày ông B1 chồng bà N viết lại giấy nợ với ông C1 chồng bà C các bên không đề cập đến tiền lãi. Tuy nhiên, bà N, anh B, chị T không cung cấp được chứng cứ số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, do đó không có cơ sở xác định mức lãi suất cho vay là 5%/tháng, nên không có cơ sở để tính lại phần tiền lãi đã trả.

[2.3.2] Do các bên khai không thống nhất mức lãi suất cho vay, nên cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở, mức lãi suất được tính: $236.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 29 \text{ tháng}$ 19 ngày (từ ngày 28-01-2022 đến 17-7-2024) = 58.045.770 đồng. Buộc bà N, anh B, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C tiền vay còn nợ 236.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28-01-2022 đến ngày 17-7-2024 là 58.045.770 đồng. Tổng cộng 294.045.770 đồng.

[3] Chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, anh B, chị T; sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, anh B, chị T không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N, anh B, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo, nên bà N, anh B, chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T; sửa Bản án sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Đinh Thị Kim C về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị

Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Kim C số tiền vay 236.000.000 đồng và tiền lãi 58.045.770 đồng; tổng cộng số tiền 294.045.770 đồng (hai trăm chín mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

3. Không chấp nhận khởi kiện của bà Đinh Thị Kim C yêu cầu bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T trả cho bà số tiền vay và tiền lãi 103.471.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho bà Đinh Thị Kim C theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Đinh Thị Kim C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T cùng phải chịu 14.702.000 đồng (mười bốn triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) tiền án phí án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Văn B và chị Phan Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà N, anh B, chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009593 và Biên lai thu số 0009592, cùng ngày 31-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện CT;
- CCTHADS huyện CT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ